

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 44 /2021/HS-ST
Ngày 08-7-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long
2. Ông Bùi Tấn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/HSST ngày 03/6/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh H – Sinh ngày 25 tháng 7 năm 1992, tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 7 tháng 11 năm 2014 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 12 tháng 11 năm 2014 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt của 2 bản án ngày 06/6/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Điện Bàn, bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại: Bà Mai Thị N, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn V, xã Tam H, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Nguyên T, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đình P, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H và bà Mai Thị N có quan hệ quen biết với nhau ngoài xã hội. Sau một thời gian quen biết, khoảng đầu tháng 3/2020 H chuyển đến ở chung phòng trọ với bà N tại thôn Bồ Mung 1, xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn. Sáng ngày 06/3/2021, do không có tiền tiêu xài H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô BKS 60F2-48911 của bà N đem cầm cố lấy tiền tiêu. Để thực hiện hành vi, lúc bà N đang ở trên gác, H lén lút lục túi xách của bà N lấy 01 giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô nhãn hiệu NVX có BKS 60F2-48911 mang tên Lê Quốc K, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân tất cả mang tên Mai Thị N và 2.000.000 đồng tiền mặt xong H nói bà N cho H mượn xe NVX BKS 60F2-48911 để đi mua thuốc lá. Tưởng H nói thật bà N đưa chìa khóa xe cho H. Sau khi lấy được xe H chạy đến tiệm cầm đồ P tại số Y, Tôn Đức Thắng, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cầm cho ông Nguyễn Đình P được số tiền 12.000.000 đồng. Đối với bà N, sau 02 ngày liên lạc yêu cầu H trả xe nhưng không được, bà N làm đơn tố cáo. Đến chiều ngày 09/3/2021, Nguyễn Thanh H đến Công an thị xã Điện Bàn đầu thú.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 12/3/2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX màu đen bạc, đăng ký lần đầu năm 2017, hiện đang sử dụng có giá 16.000.000 đồng. (Mười sáu triệu đồng).

- Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn tạm giữ và xử lý:

+ 01 xe mô tô BKS 60F2-48911 và 01 giấy tờ xe mang tên Lê Quốc K, quá trình điều tra xác định ông K đã bán chiếc xe trên và người sở hữu cuối cùng là ông Hồ Nguyễn T chồng bà N. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn đã trả lại xe và giấy tờ liên quan cho ông T.

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM mang tên Mai Thị N trả cho bà N, bà N không yêu cầu gì thêm.

+ 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H đã trả lại cho Nguyễn Thanh H.

- Về dân sự: Bà Mai Thị N không yêu cầu trả lại số tiền 2.000.000 đồng; ông Nguyễn Đình P yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 02/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về hình phạt: Áp

dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về vật chứng: đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã trộm cắp của bà Mai Thị N; Về dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Đình P số tiền 10.500.000 đồng.

Đối với bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, thống nhất với kết luận điều tra và quyết định truy tố, đồng thời cũng nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Điện Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06/3/2021, tại thôn Bò Mung 1, xã Điện Thắng Bắc, Nguyễn Thanh H đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà N 2.000.000 đồng và giấy tờ xe BKS 60F2-48911 cùng chứng minh nhân dân, thẻ ATM, giấy phép lái xe mang tên Mai Thị N. Sau đó H lừa lấy chiếc xe mô tô BKS 60F2-48911 trị giá 16.000.000 đồng của bà N đem đến cầm cho ông Nguyễn Đình P lấy 12.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo H là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết và nhận thức được hành vi trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái nhưng do bản tính tham lam nên bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, ở chung nhà với bị hại rồi lén lút trộm cắp tài sản. Sau đó, tiếp tục nói dối với bị hại nhằm làm cho bị hại tin mà giao tài sản cho mình là

chiếc xe BKS 60F2-48911 rồi mang đi cầm cố. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm hai tội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của mình, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để rèn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú nên áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2014 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà và quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 2 năm tù.

[5] Về những tình tiết liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Đình P là người đã cầm cố xe NXV BKS 60F2 – 48911, khi nhận cầm cố ông P không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

[6] Về vật chứng: 01 xe mô tô BKS 60F2-48911 và 01 giấy tờ xe mang tên Lê Quốc K; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ATM mang tên Mai Thị N; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp. Riêng đối với 01 giấy chứng minh mang tên Mai Thị N bị cáo đã làm mất không truy tìm được, bà N không yêu cầu gì và tự xử lý nên không xem xét. Đối với 2.000.000 đồng mặc dù bà N không yêu cầu bị cáo phải trả lại nhưng xét đây là tiền do phạm tội mà có nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự tuyên truy thu sung công quỹ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đình P yêu cầu trả lại số tiền 12.000.000 đồng, người nhà bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 1.500.000 đồng. Vì vậy, ông P được nhận số tiền 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0002110 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, buộc bị cáo Nguyễn Thanh H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Nguyễn Đình P là 10.500.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 09/3/2021.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải trả lại cho ông Nguyễn Đình P số tiền 12.000.000 đồng (ông P được nhận số tiền 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0002110 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, bị cáo Nguyễn Thanh H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Nguyễn Đình P là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng))

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nói trên, hàng tháng những người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Nam;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Nhà tạm giữ Công an TX Điện Bàn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Bình Quý, Thăng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Trịnh Thị Thúy Vân